

Số: 206 /TB-ĐHV

Nghệ An, ngày 13 tháng 12 năm 2019

## THÔNG BÁO

**Kết luận của Hội đồng Khoa học và Đào tạo nhiệm kỳ 2015 - 2020**

**(Phiên họp ngày 26 tháng 11 năm 2019)**

Thực hiện chương trình công tác, ngày 26 tháng 11 năm 2019, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Vinh đã tiến hành phiên họp toàn thể. Các thành viên Hội đồng đã thảo luận và đi đến thống nhất một số nội dung sau:

### I. VỀ CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1.1. Về việc phân bổ chỉ tiêu công bố các bài báo trên các tạp chí khoa học thuộc cơ sở dữ liệu của WoS hoặc Scopus năm 2020 cho các đơn vị. Nguyên tắc phân bổ số lượng như sau:

a) Phân bổ chỉ tiêu để đảm bảo mục tiêu năm 2020: toàn Trường có 78 công trình được công bố trên các tạp chí khoa học thuộc cơ sở dữ liệu của WoS hoặc Scopus;

b) Căn cứ số lượng cán bộ giảng dạy của các đơn vị do Phòng Tổ chức Cán bộ cung cấp, Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế tính toán định suất theo học hàm, học vị của các cá nhân (số lượng cán bộ giảng dạy có trình độ Tiến sĩ không bao gồm các nhà khoa học có học hàm GS hoặc PGS). Cụ thể, định suất tương ứng như sau:

Giáo sư: tính 5 định suất; Phó Giáo sư: tính 3 định suất; Tiến sĩ: tính 2 định suất; Thạc sĩ: tính 1 định suất.

c) Hệ số tính chỉ tiêu theo lĩnh vực khoa học và công nghệ (tính theo đơn vị):

Lĩnh vực Khoa học Xã hội và Khoa học Nhân văn tính hệ số 1;

Các lĩnh vực khoa học công nghệ khác tính hệ số 2.

d) Công thức tính như sau:

$$\text{Chỉ tiêu thực giao năm 2020} = \frac{78 \times \text{Chỉ tiêu của đơn vị sau nhân hệ số lĩnh vực}}{\text{Tổng chỉ tiêu cả Trường sau nhân hệ số lĩnh vực}}$$

Trong đó:

Chỉ tiêu của đơn vị sau nhân hệ số lĩnh vực = (Số lượng GS x 5 + Số lượng PGS x 3 + Số lượng TS x 2 + Số lượng ThS x 1) x Hệ số lĩnh vực KHCN tương ứng của đơn vị.

Giao Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế hoàn thiện và tham mưu cho Hiệu trưởng Nhà trường ban hành quyết định giao chỉ tiêu cho các đơn vị.

1.2. Về định mức đầu tư, khen thưởng, quy đổi giờ dạy cho các sản phẩm KHCN bậc cao:

a) Từ năm 2020, Nhà trường chỉ xem xét đầu tư, khen thưởng, quy đổi giờ dạy cho các loại hình sản phẩm KH&CN sau:

Bằng độc quyền sáng chế/Giải pháp hữu ích/Giải pháp kỹ thuật được bảo hộ trên toàn lãnh thổ quốc gia/quốc tế;

Các công trình công bố trên các tạp chí khoa học có trong cơ sở dữ liệu của Web of Science hoặc Scopus. Việc đầu tư, khen thưởng, quy đổi giờ dạy có tính đến uy tín và chất lượng của tạp chí theo bảng xếp hạng của Scimago Journal & Country Rank;

b) Định mức đầu tư, khen thưởng, quy đổi giờ dạy cho các loại hình sản phẩm KH&CN theo Phụ lục đính kèm.

Giao Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế hoàn thiện và tham mưu cho Hiệu trưởng Nhà trường ban hành quyết định định mức đầu tư, khen thưởng, quy đổi giờ dạy cho các sản phẩm KH&CN bậc cao.

## **II. VỀ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO**

### ***2.1. Về triết lý giáo dục của Trường Đại học Vinh***

Các thành viên Hội đồng Khoa học - Đào tạo Nhà trường gửi ý kiến góp ý Triết lý giáo dục của Trường Đại học Vinh qua Phòng Đào tạo tổng hợp, trình Ban Thường vụ Đảng ủy duyệt để công bố toàn trường trước ngày 31/12/2019.

### ***2.2. Về Kế hoạch phát triển chương trình đào tạo CDIO***

Giao Ban nghiên cứu CDIO hoàn thiện Kế hoạch phát triển chương trình đào tạo CDIO giai đoạn 2020 - 2022, Phòng KH-TC rà soát định mức tài chính cho các hoạt động để ban hành trước 15/12/2019.

Trên đây là kết luận của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Vinh nhiệm kỳ 2015 - 2020 tại phiên họp ngày 26/11/2019, Hội đồng yêu cầu các đơn vị và cá nhân liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./.

#### ***Nơi nhận:***

- Đảng ủy, BGH, HDT (b/c);
- Hội đồng các khoa, viện (t/h);
- Các đơn vị (t/h);
- BBT website, iOffice;
- Lưu: HCTH, KH&HTQT.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KH&ĐT  
HIỆU TRƯỞNG**



**GS.TS. Đinh Xuân Khoa**





PHỤ LỤC

ĐỊNH MỨC ĐẦU TƯ, KHEN THƯỞNG, QUY ĐỔI GIỜ DẠY CÁC SẢN PHẨM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BẠC CAO

(Kèm theo Thông báo số 206 /TB-ĐHV ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo,  
Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

| TT  | Loại hình sản phẩm  | Nguồn kinh phí Dạng 1      |                 | Nguồn kinh phí Dạng 2   |  |   |                            |                 | Nguồn kinh phí Dạng 3      |                 |
|-----|---|----------------------------|-----------------|---|--|---|----------------------------|-----------------|----------------------------|-----------------|
|     |   | Khen thưởng                | Quy đổi giờ dạy | Định mức đầu tư<br>(triệu đồng)   |  |   | Khen thưởng                | Quy đổi giờ dạy | Khen thưởng                | Quy đổi giờ dạy |
|     |   | Thành tiền<br>(triệu đồng) | Thành giờ chuẩn | Nghiên cứu cơ bản thuần túy<br>(không có hóa chất, vật tư tiêu hao,...) | Nghiên cứu thực nghiệm<br>(có hóa chất, vật tư tiêu hao,...) | Khối khoa học xã hội và khoa học nhân văn | Thành tiền<br>(triệu đồng) | Thành giờ chuẩn | Thành tiền<br>(triệu đồng) | Thành giờ chuẩn |
| (1) | (2)   | (3)                        | (4)             | (5)   | (6)  | (7)                                       | (8)                        | (9)             | (10)                       | (11)            |
| 1.  | Sản phẩm được cấp <b>Bằng độc quyền sáng chế/ Giải pháp hữu ích/ Giải pháp kỹ thuật</b> được bảo hộ quốc tế                                     | 50                         | 135             | 200   | 300  | 400                                       | 0                          | 0               | 100                        | 270             |
| 2.  | Sản phẩm được cấp <b>Bằng độc quyền sáng chế/ Giải pháp hữu ích/ Giải pháp kỹ thuật</b> được bảo hộ trong nước                                  | 30                         | 108             | 120   | 180  | 240                                       | 0                          | 0               | 60                         | 162             |
| 3.  | Công trình công bố trên các tạp chí khoa học thuộc một trong các danh mục SCIE, A&HCI, SSCI và được Scimago Journal & Country Rank xếp hạng Q1. | 25                         | 67.5            | 50  | 75   | 100                                       | 0                          | 0               | 50                         | 135             |

|    |  |      |      |    |      |    |   |   |    |     |
|----|--|------|------|----|------|----|---|---|----|-----|
| 4. | Công trình công bố trên các tạp chí khoa học thuộc một trong các danh mục <b>SCIE, A&amp;HCI, SSCI</b> và được Scimago Journal & Country Rank xếp hạng <b>Q2</b> .                             | 22.5 | 54   | 45 | 67.5 | 90 | 9 | 0 | 40 | 108 |
| 5. | Công trình công bố trên các tạp chí khoa học thuộc một trong các danh mục <b>SCIE, A&amp;HCI, SSCI</b> và được Scimago Journal & Country Rank xếp hạng <b>Q3</b> (hoặc <b>Q4</b> ).            | 20   | 40.5 | 40 | 60   | 80 | 8 | 0 | 30 | 81  |
| 6. | Công trình công bố trên các tạp chí khoa học thuộc danh mục <b>ESCI</b> ;<br>Công trình công bố trên các kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học thuộc danh mục <b>CPCI-S</b> .                     | 17.5 | 40.5 | 35 | 52.5 | 70 | 7 | 0 | 25 | 68  |
| 7. | Công trình công bố trên các tạp chí khoa học/sách/kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học có trong cơ sở dữ liệu <b>Scopus</b> .  | 15   | 40.5 | 30 | 45   | 60 | 6 | 0 | 20 | 54  |
| 8. | Đối với các sản phẩm KHCN không thuộc vào một trong các trường hợp trên, Phòng KH&HTQT thẩm định và trình Hội đồng KH&ĐT Nhà trường xem xét đề tham mưu cho Hiệu trưởng Nhà trường quyết định. |      |      |    |      |    |   |   |    |     |

**Ghi chú:**

**(1) Ký hiệu các danh mục**

SCIE: Science Citation Index Expanded;

SSCI: Social Sciences Citation Index;

A&HCI: Arts & Humanities Citation Index;

CPCI-S: Conference Proceedings Citation Index- Science;

ESCI: Emerging Sources Citation Index.

**(2) Nguồn kinh phí**

*Nguồn kinh phí Dạng 1:* Là nguồn kinh phí được cấp từ các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp nhà nước, bộ, tỉnh,... (đề tài cấp nhà nước, đề tài nafosted, đề tài cấp bộ...);

*Nguồn kinh phí Dạng 2:* Là kinh phí được trích từ các nguồn kinh phí của Nhà trường để đầu tư thực hiện nhiệm vụ KHCN tạo ra sản phẩm (không tính kinh phí đối ứng của Nhà trường);

*Nguồn kinh phí Dạng 3:* Là nguồn kinh phí do các tổ chức hay cá nhân đầu tư để thực hiện nhiệm vụ KHCN tạo ra sản phẩm.